TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 52/2017/QĐST - HNGĐ	*B, ngày 17 tháng 8 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 52/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2017, giữa:

*** Nguyên đơn**: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1990; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã H, huyện B, tỉnh Hà Nam. Nơi cư trú: Thôn C, xã L, huyện B, tỉnh Hà Nam.

*** Bị đơn**: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1986; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn M, xã H, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 của 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2017

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1990; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã H, huyện B, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Thôn C, xã L, huyện B, tỉnh Hà Nam và anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1986; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn M, xã H, huyện B, tỉnh Hà Nam.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung, về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, công sức, trợ cấp khó khăn sau ly hôn, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Chị T, anh K đều không đề nghị giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T, anh K mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy

mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị T, anh K. Trích chuyển 150.000đ (một trăm năm mười nghìn đồng) trong số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số AA/2015/0001039 ngày 11/7/2017 để đối trừ tiền án phí ly hôn anh chị phải chịu (chị T, anh K đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm).

Hoàn trả cho chị T 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã H;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; VP.

THẨM PHÁN
Lương Thị Ngọc
(Đã ký)